TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2022/DS-ST
Ngày: 23-5-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Xuân Mai**;

2. Ông **Võ Văn Bảy**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:*

1/ Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1962;

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Bà N xin vắng mặt; Ông L và bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N*:**

Do có quen biết từ trước và tin tưởng nên bà Nguyễn Thị N có cho ông Nguyễn Văn L vay nhiều lần tiền như sau:

- Ngày 20/3/2019 âm lịch (tức ngày 24/4/2019 dương lịch), vay 35.000.000 đồng;

- Ngày 19/6/2019 âm lịch (tức ngày 21/7/2019 dương lịch), vay 70.000.000 đồng;

Hai lần vay tiền này ông Nguyễn Văn L viết biên nhận trên cùng một tờ biên nhận.

- Ngày 17/8/2019 âm lịch (tức ngày 15/9/2019 dương lịch), vay 120.000.000 đồng.

Lần vay tiền này, ông L viết thành tờ biên nhận riêng.

Tổng cộng, số tiền mà bà N cho ông L vay là 225.000.000 đồng.

Khi vay thì các bên thỏa thuận bằng miệng với nhau về lãi suất là 3%/tháng. Nhưng sau đó, ông L không thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi như đã cam kết nên ngày 14/12/2020 bà N đã khởi kiện ra Tòa án với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi là 34.650.000 đồng.

Tại lần khởi kiện đó, ông L không đến tham dự phiên hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án mà bà Nguyễn Thị Ngọc S là vợ của ông L đến và thỏa thuận để bà N rút đơn. Bà S cam kết trong thời hạn 05 tháng sẽ cùng ông L bán đất và trả hết nợ. Bà N đồng ý và yêu cầu bà S viết một tờ cam kết đề ngày ngày 14/01/2021. Tại tờ cam kết ngày, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ngọc S chốt lại tổng số tiền nợ là 259.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi 34.000.000 đồng. Hết thời hạn như cam kết, bà S và ông L lại không thực hiện lời hứa nên bà N tiếp tục khởi kiện ra Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải liên đới trả cho bà số tiền nợ là 259.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả của 11 tháng là 23.732.000 đồng (lãi suất áp dụng là 0,833%/tháng). Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* ***Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.***

* ***Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau*:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:

+ Giữ nguyên yêu cầu trả số tiền là 259.000.000 đồng;

+ Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 23.732.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S:

+ Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án;

+ Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về chứng cứ vắng mặt ông L, bà S và vụ án không tiến hành hòa giải được.

+ Ông L và bà S không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên họp chứng cứ.

* ***Tại phiên toà*:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản tự khai trình bày: Chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải trả số tiền là 255.150.000 đồng với lý do bà N đã tính sai tiền lãi khi thỏa thuận với bà S.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm*:**

- Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử cũng như là trình tự, thủ tục tại phiên toà. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về vi phạm thủ tục tố tụng.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền là 259.000.000 đồng nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà N có bản tự khai trình bày chỉ yêu cầu ông L, bà S trả số tiền nợ là 255.150.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N, có lợi cho bị đơn và không vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận;

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút lại yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay của ông L, bà S, xét đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Toà án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

**** Về thủ tục tố tụng*:**

[1] Quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải trả số tiền nợ vay nên đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Bà N có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án và đề nghị được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S: Ông L, bà S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**** Về nội dung vụ án*:**

[5] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu Sương phải trả số tiền nợ vay là 255.150.000 đồng:

[5.1] Tại các Biên nhận vay tiền, thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn L có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền là 225.000.000 đồng . Ông L là người trực tiếp viết, ký tên và ghi rõ họ tên vào các biên nhận vay tiền.

[5.2] Ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, nên bà N đã khởi kiện ra Tòa án vào ngày 15/12/2020. Tại phiên hòa giải, , bà Nguyễn Thị Ngọc S là vợ của ông Nguyễn Văn L xác định bà và ông L còn nợ bà N tổng số tiền là 259.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và số tiền lãi là 34.000.000 đồng. Bà S đã viết tờ cam kết ngày 14/01/2021 và hứa vợ chồng bà sẽ trả số tiền trên cho bà N trong thời hạn 05 tháng nên bà N đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, hết thời hạn 05 tháng thì bà S và ông L không thực hiện như đúng cam kết.

[5.3] Ông Nguyễn Văn L là người trực tiếp vay tiền của bà Nguyễn Thị N, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ngọc S thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông L và bà S cùng liên đới trả nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.4] Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và trong quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị N có yêu cầu ông L và bà S phải trả số tiền nợ là 259.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 23/5/2022 bà N chỉ yêu cầu ông L, bà S trả số tiền là 255.150.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của bà N là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.5] Xét thấy, bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S trả số tiền nợ 255.150.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bà N rút lại yêu cầu tính lãi đối với ông L, bà S là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu tính lãi của bà N theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

[8] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N nên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N:

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải liên đới trả cho bà

Nguyễn Thị N số tiền là 255.150.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 12.757.500 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Phong Hiếu